

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN ĐẤT HÀ NỘI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

TS Nguyễn Văn Toàn*

Cho đến nay vấn đề sử dụng đất theo hướng bền vững được coi là mục tiêu cần đạt không chỉ ở mỗi quốc gia mà còn mang tính toàn cầu, đặc biệt ở những nước đang phát triển, dựa vào sản xuất nông nghiệp như nước ta. Sử dụng đất bền vững là điều hoà các mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường vì lợi ích của con người không chỉ cho thế hệ hôm nay mà còn cho các thế hệ mai sau. Chính vì vậy, năm 2009, Thủ tướng nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký văn bản và dĩ nhiên Hà Nội, trung tâm chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật sẽ phải là địa phương đi đầu trong tiếp cận bền vững. Với Thủ đô Hà Nội, mặc dù có diện tích tự nhiên vào loại nhỏ so với thủ đô các nước trong khu vực, chỉ với 92.108,46 ha, mật độ dân số bình quân trong khu vực nội thành 12.566,2 người/km² và chung cho toàn thành phố là 1926,2 người/km². Trong khi đó mật độ dân số (năm 2010) tại Tokyo là 5.987 người/km²; mật độ bình quân của toàn Thủ đô Bắc Kinh là 1.309 người/km²; Băng Kốc là 5.810 người/km² ở khu vực nội thành và toàn thành phố là 1.542,4 người/km². Manila là Thủ đô có mật độ dân số cao nhất, khu vực nội thành là 43.079,5 người/km² và toàn Thủ đô là 18.093,2 người/km². Thủ đô Paris 3.745 người/km² và toàn thành phố là 815,3 người/km². Như vậy, với một thủ đô có diện tích tự nhiên nhỏ theo lãnh thổ cũ thì vấn đề áp lực dân số kéo theo các áp lực về nhà ở, giao thông và các dịch vụ đến việc sử dụng đất bền vững ở Hà Nội là rất lớn. Trong phạm vi của bài báo, tác giả chỉ xin đề cập một số vấn đề có liên quan đến hướng sử dụng đất bền vững.

1. Một số nét khái quát về tài nguyên đất Hà Nội

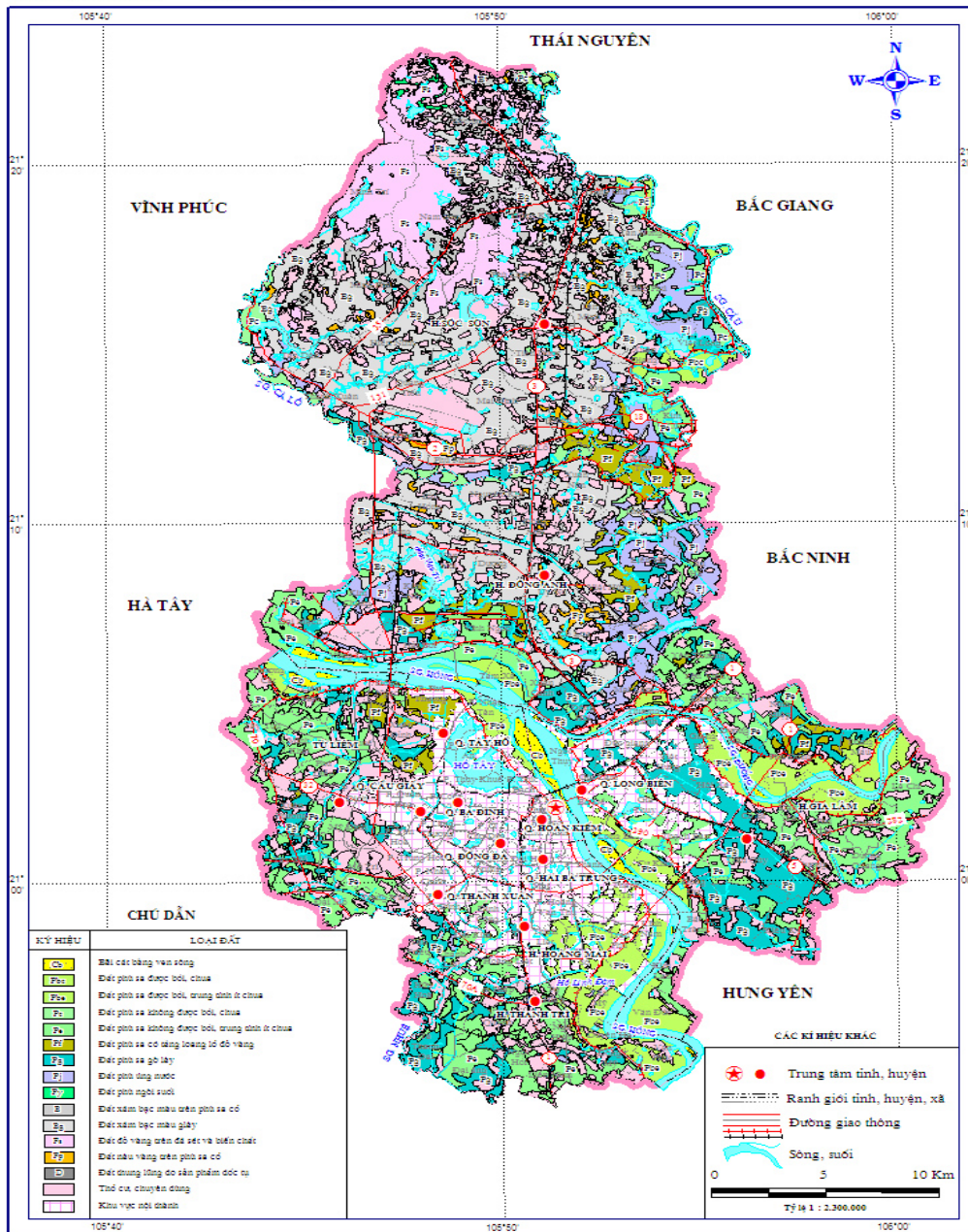
Có lẽ, Lý Công Uẩn đã nhìn thấy “địa lợi” ở vùng đất Thăng Long này để chọn làm Thủ đô của nước ta ngày ấy mà cho đến tận bây giờ, các thế hệ con cháu vẫn cho là Thủ đô lý tưởng bởi cái thế ven sông Hồng và phía tây là những dải đồi núi. Sự địa lợi được thiên nhiên ban tặng là được hình thành do sự bồi tích của phù sa sông Hồng. Minh chứng cho quá trình bồi đắp ấy là khu Hoàng thành Thăng Long bị vùi lấp bởi lớp phù sa khi chưa có đê ngăn lũ. Chính vì vậy, đất Thăng Long ngày xưa và hiện nay là Thủ đô Hà Nội được các nhà nông nghiệp coi là vùng đất lý tưởng đối với sản xuất nông nghiệp. Trước khi đề cập đến sử dụng đất theo hướng bền vững chỉ xin đề cập đến khía cạnh nguồn gốc phát sinh của đất Hà Nội. Xét về khía cạnh này thì phần lớn đất Hà Nội được

* Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN ĐẤT HÀ NỘI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

hình thành do quá trình bồi đắp của phù sa sông Hồng nên được coi là loại tốt nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, dưới tác động của các yếu tố hình thành đất và quá trình sử dụng của con người đã tạo nên sự phân hoá về tính chất vật lý, hoá học, kéo theo sự phân hoá về loại đất. Theo phân loại phát sinh, đất Hà Nội được phân chia thành **5 nhóm với 14 đơn vị dưới nhóm** (sơ đồ 1 và bảng 1), trong đó có 4 nhóm đất phân bố ở địa hình bằng bao gồm: nhóm đất cát; nhóm đất phù sa; nhóm đất xám bạc màu và nhóm đất thung lũng. Một diện tích nhỏ ở phía tây Hà Nội là đất đồi núi, được hình thành do sản phẩm phong hoá của đá sét hoặc đá cát, được xếp vào nhóm đất đỏ vàng.

SƠ ĐỒ TÀI NGUYÊN ĐẤT HÀ NỘI THEO PHÂN LOẠI PHÁT SINH



Nhóm đất cát có diện tích 106,1ha, chiếm 0,1% diện tích tự nhiên (DTTN) của thành phố, được hình thành do quá trình bồi tụ của phù sa sông Hồng. Tuy nhiên, do sản phẩm bồi tích thô, chủ yếu là cát nên không có giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Đây cũng là vùng đất hiện vẫn còn chịu tác động của quá trình ngập lũ do sạt sông, không có đê ngăn lũ và địa hình bãi thấp.

Nhóm đất phù sa có diện tích lớn nhất với 23.533,3ha (25,6% DTTN), được hình thành do quá trình bồi tụ của phù sa sông. Tuy nhiên, có sự phân hoá tạo thành 7 loại đất có đặc tính khác biệt nhưng vẫn giữ được bản chất của phù sa sông Hồng là độ phì cao, các chất tổng số cũng như dễ tiêu cao hơn so với các loại đất trong cùng nhóm ở các đồng bằng khác. Đặc biệt là đất phù sa trung tính, ít chua có diện tích chiếm ưu thế với 14.289,7ha, chiếm 15,5% DTTN. Đây là trọng điểm canh tác rau và cây thực phẩm do có lợi thế về thành phần cơ giới nhẹ, thoát nước, đất có phản ứng trung tính và độ phì tự nhiên cao. Nhìn chung các loại cây trồng rất đa dạng.

Nhóm đất xám bạc màu có diện tích 14.289,7ha, chiếm 15,5% DTTN. Đây là nhóm đất được hình thành từ trầm tích phù sa kỷ Đệ tứ, phân bố ở địa hình lượn sóng nhẹ và ở bậc thềm cao hơn so với đất phù sa hiện đại. Do gần nguồn nước và được khai thác sớm cùng với chế độ canh tác lạc hậu đất bị thoái hoá về vật lý và hoá học, nghèo sét, thành phần cơ giới nhẹ, độ phì thấp. Những nơi địa hình thấp, đọng nước giàu hữu cơ, giàu sét hơn, đất ngập nước, hình thành đất xám glây. Đây là trọng điểm canh tác cây hoa màu, những nơi giải quyết được nước tưới thì trồng 2 vụ lúa.

Nhóm đất đỏ vàng có diện tích 5.790,0ha, chiếm 6,3% DTTN. Nhóm đất này có 2 đơn vị đất, hình thành từ các nguồn gốc khác nhau. Đất hình thành từ sản phẩm phong hoá của đá sét phần lớn tầng mỏng, hiện đang là rừng. Đất hình thành từ sản phẩm phù sa cổ có độ phì khá hơn so với đất xám bạc màu.

Nhóm đất dốc tụ chỉ có một đơn vị đất với diện tích 44,2ha, chiếm 0,05% DTTN. Khác với các nhóm đất nói trên, nhóm đất này hình thành do các sản phẩm phong hoá từ cao xô xuống nơi có địa hình thung lũng. Độ phì tự nhiên rất khác biệt.

Bảng 1: Diện tích các loại đất của thành phố Hà Nội

Đơn vị: ha

TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Sóc Sơn	Đông Anh	Gia Lâm	Từ Liêm	Thanh Trì
I	Nhóm đất cát		106,1	0,1		74,3	15,2	16,6	
1	Cồn cát và bãi cát ven sông	Cb	106,1	0,1		74,3	15,2	16,6	
II.	Nhóm đất phù sa		23588,3	25,6	4028,8	5890,5	6601,62	3503,59	3563,83
2	Đất phù sa được bồi trung tính ít chua	Pbe	2759,1	3,0	134,1	771,7	1303,4	93,2	456,7
3	Đất phù sa được bồi chua	Pbc	337,8	0,4	337,8				
4	Đất phù sa không được bồi trung tính ít chua	Pe	9791,3	10,6	360,1	1676,6	3219,22	2428,49	2106,93

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN ĐẤT HÀ NỘI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

5	Đất phù sa không được bồi chua	Pc	1277,4	1,4	1181,6	95,8			
6	Đất phù sa glây	Pg	4985,7	5,4	576,2	987,1	1879,9	635,1	907,4
7	Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng	Pf	1746,9	1,9	355,8	845,2	199,1	346,8	
8	Đất phù sa úng nước	Pj	2595,6	2,8	988,7	1514,1			92,8
9	Đất phù sa ngòi suối	Py	94,5	0,1	94,5				
III	Nhóm đất xám		14289,7	15,5	10510,9	3778,8			
10	Đất xám bạc màu trên phù sa cổ	B	1758,3	1,9	1758,3				
11	Đất xám bạc màu glây	Bg	12531,4	13,6	8752,6	3778,8			
IV	Nhóm đất đỏ vàng		5790,0	6,3	5403,0	387,0			
12	Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Fs	4966,1	5,4	4966,1				
13	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	823,9	0,9	436,9	387,0			
V	Nhóm đất thung lũng		44,2	0,05	44,2				
14	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	44,2	0,05	44,2				
	Cộng		43818,3	47,55	19986,9	10130,6	6616,62	3520,19	3563,83
	Đất thổ cư và chuyên dùng ngoại thành		24265,1	26,3	8955,9	6033,63	3703,97	3343,8	2227,78
	Khu vực nội thành		17944,9	19,5					
	Ao hồ và sông suối		5909,58	6,4	1538	2049,67	1152,2	668,6	501,11
	Núi đá không có rừng cây		170,53	0,2	170,53				
	Tổng diện tích tự nhiên		92108,4	100,0	30651,3	18213,9	11472,8	7532,6	6292,72

(Nguồn: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, 2006.)

2. Sử dụng đất Hà Nội theo hướng bền vững

Như trên đã đề cập, sử dụng đất bền vững là điều hoà các mục tiêu phát triển. Tuy nhiên, với vai trò là Thủ đô của một quốc gia, là trung tâm chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật nên việc sử dụng đất của Hà Nội phải được ưu tiên cho phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông và các mục tiêu khác. Trong phạm vi của bài báo này, tác giả không có điều kiện trình bày chi tiết các loại hình sử dụng đất mà chỉ xin giới hạn ở một số chỉ tiêu chủ yếu liên quan đến bền vững.

2.1. Sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp: Tính đến năm 2009, diện tích đất của Hà Nội đã sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp có 44.571,95ha, chiếm 48,39% diện tích tự nhiên của Thành phố. Diện tích này được phân bổ sử dụng cho 10 mục đích khác nhau. Trong đó diện tích đất sử dụng cho phát triển cơ sở hạ tầng lớn nhất với 14.267,89ha, chiếm 15,49% tổng quỹ đất của Hà Nội và chiếm 32% diện tích đất phát triển cơ sở hạ tầng. Diện tích đất giao thông 7.907,97ha, chiếm 8,59% diện tích tự nhiên của thành phố. Theo quy hoạch sử dụng đất Hà Nội, dự kiến đến năm 2020, diện tích đất sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp sẽ tăng lên 53.128,5ha, tăng 8.556,5ha. Diện tích đất gia tăng cho mục đích phi nông nghiệp chủ yếu được bố trí cho phát triển khu công nghiệp và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại 5 huyện ngoại thành. Việc bố trí đất trong giai đoạn này như vậy là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô giai đoạn 2010 - 2020 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Riêng đất bố trí cho phát triển cơ sở hạ tầng cũng tăng lên 17.179,2ha, tăng 2.911ha, trong đó đất giao thông tăng 1.088,2ha. Diện tích đất bố trí cho giao thông tăng chủ yếu tập trung ở các huyện ngoại thành do các quận nội thành không còn quỹ đất để bố trí.

Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp và định hướng quy hoạch giai đoạn 2010 - 2020

STT	Hạng mục	Mã	2009		2020		Tăng, giảm 2009 - 2020 Tăng (+), giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	44.571,95	48,39	53.128,53	57,68	8.556,58
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	1.356,98	1,47	2.507,70	2,72	1.150,72
2.2	Đất quốc phòng	CQP	1.950,60	2,12	2.056,95	2,23	106,35
2.3	Đất an ninh	CAN	162,50	0,18	209,51	0,23	47,01
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK	778,24	0,84	3.526,25	3,83	2.748,01
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	14.267,89	15,49	17.179,24	18,65	2.911,35
2.6.1	Đất giao thông	DGT	7.907,97	8,59	8.992,20	9,76	1.084,23
2.6.2	Đất thủy lợi	DTL	4.334,43	4,71	4.338,30	4,71	3,87
2.6.3	Đất công trình năng lượng	DNL	45,26	0,05	61,86	0,07	16,60
2.6.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	16,77	0,02	20,19	0,02	3,42
2.6.5	Đất cơ sở văn hoá	DVH	397,57	0,43	1.172,65	1,27	775,08
2.6.6	Đất cơ sở y tế	DYT	160,94	0,17	395,34	0,43	234,40
2.6.7	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	900,72	0,98	1.213,56	1,32	312,84
2.6.8	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	390,30	0,42	777,80	0,84	387,50
2.6.9	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	9,91	0,01	16,91	0,02	7,00
2.6.10	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	1,47	0,00	37,88	0,04	36,41
2.6.11	Đất chợ	DCH	102,55	0,11	152,55	0,17	50,00
2.7	Đất di tích, danh lam thắng cảnh	LDT	211,66	0,23	1.092,46	1,19	880,80
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	176,76	0,19	268,56	0,29	91,80
2.9	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	181,32	0,20	181,32	0,20	0,00
2.10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	794,07	0,86	858,08	0,93	64,01

Nguồn: Số liệu hiện trạng theo thống kê

- Trên đây là những số liệu định hướng quy hoạch giai đoạn 2010 – 2020 của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Những số liệu nói trên phản ánh sự bất cập về hệ thống giao thông ở Hà Nội do lịch sử để lại, sức chứa của không gian đô thị nội đô nhỏ trong khi mật độ dân số cao. Giải pháp có tính toàn diện là sớm chỉ đạo quyết liệt di chuyển một bộ phận dân cư trong phố cổ, các trường đại học, các bệnh viện ra ngoại ô và hạn chế cấp phép xây dựng khu nhà cao tầng tại nội đô, đặc biệt là tại các quận nội thành cũ. Tuy nhiên, để giải quyết được vấn đề này đòi hỏi phải có sự nỗ lực rất lớn của Thành phố, sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và của cả người dân. Mặt khác cần có chính sách hỗ trợ thích đáng từ phía Nhà nước đối với người dân, đồng thời phải lựa chọn khu tái định cư phù hợp, tạo điều kiện để hộ tái định cư ổn định nơi ở và thu nhập. Cách làm này mới đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Thủ đô trong tương lai.

2.2. Sử dụng đất cho phát triển đô thị

Phát triển đô thị cùng với phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật là nhiệm vụ ưu tiên trong việc bố trí sử dụng đất của Hà Nội. Theo hiện trạng năm 2009, diện tích đất sử dụng cho phát triển đô thị có 19.626,66ha, chiếm 21,31% tổng diện tích đất của Thành phố. So với quỹ đất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho phát triển đô thị cao hơn nhiều, chỉ xếp sau đất nông nghiệp. Tuy nhiên, quỹ đất như vậy chỉ phù hợp với quy mô dân số của thời kỳ bao cấp, tương đương với số dân trên dưới 1 triệu người. Ngày nay, với dân số 2.217.300 người và mật độ dân số quá cao trong khi đó diện tích đất đô thị ở khu vực này chỉ có 18.018ha đang gây nhiều áp lực về giao thông, môi trường như đã đề cập ở trên, Theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2020, diện tích đất bố trí cho đô thị sẽ không tăng. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc cần phải thực hiện giải pháp như đã đề xuất ở trên mới tạo sự phát triển bền vững cho khu vực nội đô.

2.3. Sử dụng đất cho nông lâm nghiệp theo hướng bền vững

Vốn là Thủ đô của một nước nông nghiệp với hơn 90% là dân số nông nghiệp của thời kỳ trước Đổi mới và bây giờ, với hơn 70% dân số nông nghiệp, bên cạnh việc ưu tiên bố trí đất cho các mục đích phi nông nghiệp và phát triển đô thị, Hà Nội vẫn còn diện tích đáng kể được sử dụng cho nông nghiệp. Diện tích này không chỉ có ở 5 huyện ngoại thành mà còn có cả ở các quận nội thành mới được đô thị hoá. Như vậy, vấn đề sử dụng đất theo hướng bền vững phải được đặt ra trước hết đối với đất sử dụng cho nông nghiệp. Đây là vùng đất nhạy cảm, chịu sự tác động của nhiều yếu tố như canh tác, ô nhiễm do tác động của đô thị hoá và công nghiệp hoá.

Tính đến năm 2009, diện tích sử dụng cho sản xuất nông, lâm nghiệp có 45.416,53ha, trong đó đất sử dụng cho trồng lúa nước có 27.541,35ha và dự kiến đến năm 2020 sẽ còn 23.459,05ha, giảm 4.082,3ha. Cùng với diện tích đất lúa của tỉnh Hà Tây (cũ), Hà Nội sẽ có 94.300ha đất canh tác lúa. Việc duy trì diện tích đất trồng lúa như trên tại một số huyện ngoại thành của Hà Nội đến năm 2020 là phù hợp với kết luận số 53 - KL/TU ngày 15 tháng 3 năm 2009 của Bộ Chính trị về mục tiêu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 bảo đảm nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao gấp đôi và Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, tạo hành lang xanh cho một Thủ đô sạch, xanh và đẹp.

Hà Nội cũng là quê hương của một số loại cây ăn quả như bưởi Diễn, cam Canh, hồng xiêm Xuân Đình. Đây cũng là những loại cây ăn quả nổi tiếng, gắn liền với địa danh của những làng, xã ven đô, góp phần sử dụng đất bền vững cho các sản phẩm này không những chỉ có giá trị kinh tế cao, tạo thu nhập cho người dân mà còn góp phần tạo nên những mô hình sinh thái, kết hợp giữa phát triển kinh tế với thu hút du lịch, thăm thú hái quả nhiệt đới, mặt khác còn duy trì được các giống bản địa, quý hiếm. Theo thống kê đến năm 2009, diện tích đất cây lâu năm của Hà Nội có 2.243,37ha, trong đó có các loại cây ăn quả nói trên. Định hướng đến năm 2020, diện tích cây lâu năm sẽ giảm xuống còn 2.097,37ha, giảm 146 ha.

Diện tích đất lâm nghiệp có 4.802,1ha, chiếm 5,21% tổng diện tích tự nhiên của Hà Nội, trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Diện tích rừng sản xuất chỉ có 287,56ha. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, để bền vững Hà Nội vẫn phải duy trì diện tích đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Riêng đất rừng sản xuất sẽ giảm 15ha. Diện tích này được bố trí chủ yếu trên các vùng đất đồi núi của huyện Sóc Sơn và một ít ở huyện Gia Lâm.

Bảng 3: Hiện trạng và định hướng sử dụng đất Hà Nội giai đoạn 2010 - 2020
(Theo ranh giới Hà Nội cũ)

STT	Hạng mục	Mã	2009		2020		Biến động 2009 - 2020 Tăng (+), giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu so với diện tích tự nhiên (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu so với diện tích tự nhiên (%)	
1	Đất nông nghiệp	NNP	45.416,53	49,31	36.859,95	40,02	-8.556,58
1.1	Đất lúa nước	LUN	27.541,35	29,90	23.459,05	25,47	-4.082,30
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.243,37	2,44	2.097,37	2,28	-146,00
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	287,56	0,31	272,56	0,30	-15,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.406,37	3,70	3.406,37	3,70	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.108,19	1,20	1.108,19	1,20	0,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.230,09	3,51	3.029,62	3,29	-200,47

Nguồn: Số liệu hiện trạng theo thống kê

Số liệu trên định hướng quy hoạch giai đoạn 2010 - 2020 của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đất nuôi trồng thủy sản của Hà Nội rất lớn, theo thống kê đến năm 2009 diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của Hà Nội có 3.230,09ha, chiếm 3,51% diện tích tự nhiên của Thành phố. Định hướng đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản của Hà Nội còn 3.029,62ha, giảm 200,47ha.

Trên thực tế, việc sử dụng đất của Hà Nội trong những năm qua chưa bền vững do năng suất thấp, hiệu quả kinh tế của 1 ha đất sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng. Các sản phẩm nông sản tạo ra còn nhiều vấn đề phải bàn như an

toàn vệ sinh thực phẩm chưa tốt, mẫu mã của các nông sản chưa đẹp, chưa đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng. Một số diện tích đất bị ô nhiễm do sản xuất công nghiệp ở Thanh Trì và bãi rác thải ở Sóc Sơn. Do vậy, sản xuất nông nghiệp của Hà Nội cần có một chiến lược sử dụng đất theo hướng bền vững dựa trên các quan điểm sau đây:

Một là: Nông nghiệp Hà Nội phải phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá với các sản phẩm chủ lực là rau, các loại quả đặc sản và hoa. Ngoài ra, phải tham gia sản xuất lương thực, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Do vậy, phải hình thành các vùng sản xuất hàng hoá, có năng suất và chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của Thủ đô, cho du lịch và các khu công nghiệp trên địa bàn. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân một ha đất nông nghiệp đạt khoảng 185 triệu đồng năm 2015 và khoảng 235 triệu đồng năm 2030 (giá thực tế).

Hai là: Nông nghiệp Hà Nội phải tạo ra được vành đai xanh bằng việc kết hợp giữa duy trì và phát triển diện tích rừng hiện có với các vành đai cây trồng nông nghiệp truyền thống như vùng lúa, hoa, cây ăn quả đặc sản và rau. Vành đai xanh không những tạo ra môi trường mà còn có chức năng cung cấp các nông sản có chất lượng, an toàn và có giá thành hợp lý, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng, đồng thời sẽ là nơi thu hút du lịch sinh thái, tạo thu nhập cho một bộ phận dân cư làm nông nghiệp.

Ba là: Nông nghiệp Hà Nội phải đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất ở một số ngành theo hướng toàn diện hoặc từng khía cạnh của nông nghiệp công nghệ cao. Đối với nghề trồng lúa gạo cần mạnh dạn áp dụng một số kỹ thuật hiện đại trong canh tác như tưới nước tiết kiệm, cơ giới hoá đồng bộ và bón phân hợp lý. Đối với sản xuất rau có thể áp dụng đồng bộ và toàn diện công nghệ cao.

Bốn là: Sản xuất nông nghiệp phải gắn kết được với phát triển các ngành nghề khác như thủ công nghiệp, du lịch nông thôn, du lịch sinh thái và du lịch làng nghề, góp phần bảo vệ môi trường.